TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29- 01-2018
V/việc: "xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU THỦY
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà ĐẶNG NGỌC THU
2. Bà NGUYỄN THỊ YẾN XUÂN

- Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên toà: Bà PHẠM THỦY TIÊN - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 344/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 tranh chấp về việc " xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2018/QĐXX-STHNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Trần Thị N, sinh năm 1987**. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú tại số nhà 330, ấp Tân A, xã Tân H, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.
- Bị đơn: Trần Tấn P - sinh năm 1984. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú tại nhà số 330, ấp Tân A, xã Tân H, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/8/2017, bà Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết về ly hôn với ông Trần Tấn P. Bà N khai rằng, bà và ông P quen biết nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, thị xã Vĩnh Long (nay là thành phố Vĩnh L), tỉnh Vĩnh L vào ngày 14/5/2005. Do thời gian gần đây, ông P thay đổi tính tình, thường uống rượu về gây rối trong gia đình. Bà N sinh sống bên gia đình chồng nên cố gắng nhịn, góp ý xây dựng nhưng ông P không tiếp thu sửa chữa. Bà N nhận thấy hôn nhân không còn ý nghĩa nên đã ly thân trở về sinh sống bên gia đình cha mẹ ruột cho đến nay.

Vợ chồng chung sống với nhau có được 02 con chung, tên Trần Thị Ngọc H sinh ngày 25/9/2004 và Trần Tấn H sinh ngày 19/02/2006. Hiện tại ông P đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con, Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng Ngọc Huệ và ông P tiếp tục nuôi dưỡng Tấn Huy, không ai có nghĩa vụ vụ cấp dưỡng cho nhau. Bà N đang thực hiện thủ tục chuyển hộ khẩu về sinh sống tại ấp An Thạnh, xã Hội An Đ, huyện Lấp V, tỉnh Đồng T và sinh sống nghề buôn bán, có mức thu nhập mỗi tháng 3.500.000đồng.Về tài sản chung và nợ tài sản đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Tấn P đã được tống đạt và nhận các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ vào ngày 08/10/2017

và lần thứ hai vào ngày 20/11/2017 nhưng vắng mặt, không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà N vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 05/01/2018 và có ý kiến giữ nguyên lời khai ngày 29/11/2017, không xuất trình chứng cứ gì mới. Yêu cầu ly hôn với ông P, mỗi người nuôi một người con và không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, tài sản chung và nợ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Tấn P đã nhận văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 12/12/2017 để tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 05/01/2018 và lần thứ hai vào ngày 11/01/2018 để tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 29/01/2018 nhưng vắng mặt phiên tòa sơ thẩm không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật qui định. Về giải quyết vụ án, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị N; Bà N được nuôi con Trần Thị Ngọc H sinh ngày 25/9/2004 và ông Trần Tấn P tiếp tục nuôi con Trần Tấn H sinh ngày 19/02/2006, Bà N yêu cầu các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận; Bà N không yêu cầu giải quyết tài sản và nợ tài sản nên không xem xét; Bà N phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].**Về tố tụng:**Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là xin ly hôn, bị đơn có nơi cư trú thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L.

- Bị đơn Trần Tấn P đã nhận văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm ngày 05/01/2018 và lần thứ hai vào ngày 29/01/2018 nhưng vắng mặt không lý do; Nguyên đơn Trần Thị N có đơn đề nghị ngày 05/01/2018 xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà N và ông P.

[2].**Về nội dung:** Bà N và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của ông P vào ngày 14/5/2005 là tuân thủ điều kiện kết hôn được qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn ngày 14/5/2005.

Xét nguyên nhân ly hôn là do giữa Bà N và ông P chung sống với nhau đã có nhiều bất đồng quan điểm và hiện tại đã ly thân, đôi bên không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng phát triển kinh tế gia đình, cùng trách nhiệm chăm sóc giáo dục con chung. Như vậy, cho thấy các bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Đối với ông P, các văn bản tố tụng của Tòa án đã tống đạt để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản phản hồi thông báo thụ lý vụ án nên ông P phải chịu mọi hậu quả do không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của Bà N là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung, Trần Thị Ngọc H sinh ngày 25/9/2004 và Trần Tấn H sinh ngày 19/02/2006 đã có ý kiến tại biên bản lời khai ngày 29/11/2017. Đối với cháu Huệ có nguyện vọng được Bà N chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Tấn Huy có nguyện vọng được ông P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà N đảm bảo đủ điều kiện kinh tế và nơi ở ổn định để chăm lo cho Ngọc Huệ và các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp Điều 81, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà N, buộc ông P phải giao con Trần Thị Ngọc H sinh ngày 25/9/2004 cho Bà N chăm sóc nuôi dưỡng, ông P được tiếp tục nuôi con Trần Tấn H sinh ngày 19/02/2006 .

Bà N và ông P phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định:"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N^0 0002880 ngày 12/8/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Trần Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Tấn P không phải chịu tiền án phí dân sự và hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị N và ông Trần Tấn P.

- Về con chung: Buộc ông Trần Tấn P giao con chung Trần Thị Ngọc H sinh ngày 25/9/2004 cho bà Trần Thị N chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Trần Tấn P được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Tấn H sinh ngày 19/02/2006.

Bà Trần Thị N và ông Trần Tấn P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà N và ông P phải tuân thủ các Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định:"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

- Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Trần Thị N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N^0 0002880 ngày 12/8/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Trần Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Tấn P không phải chịu tiền án phí dân sự và hôn nhân sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thu Thủy

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ tại Tòa án